BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ
Số: 298/HV-SĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP KHÓA V (2015 - 2017) HỆ DÂN SỰ

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ở Học viện Chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 1489/QĐ-HV3, ngày 20/9/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-HV3 ngày 08/3/2018 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho học viên cao học Khóa V (2015 - 2017) hệ dân sự của Giám đốc Học viện Chính trị;

Giám đốc Học viện yêu cầu Phòng Thông tin khoa học quân sự đưa công khai danh sách và toàn văn luận văn của 388 học viên cao học Khóa V (2015 - 2017) hệ dân sự được công nhận tốt nghiệp trên Website của Học viện Chính trị. Danh sách học viên gồm:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
1.	Mai Thị Ngọc	10/10/1971	Thanh Hóa	XDĐ&CQNN	CT1-2018
2.	Phạm Thị Huyền Chang	19/10/1986	Ninh Bình	QLGD	CT2-2018
3.	Đặng Tuấn Anh	10/7/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT3-2018
4.	Ngô Kim Anh	22/10/1968	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT4-2018
5.	Nguyễn Kim Anh	11/11/1981	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT5-2018
6.	Trần Hồng Anh	11/10/1988	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT6-2018
7.	Nguyễn Huy Bình	01/4/1983	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT7-2018
8.	Nguyễn Phong Cầm	15/02/1962	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT8-2018
9.	Đỗ Thị Hương Chà	19/5/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT9-2018
10.	Nguyễn Gia Chinh	28/7/1977	Bắc Ninh	XDĐ&CQNN	CT10-2018
11.	Nguyễn Thị Cúc	24/02/1977	Bắc Giang	XDĐ&CQNN	CT11-2018
12.	Phạm Hồng Dũng	04/12/1979	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT12-2018
13.	Phùng Xuân Dương	05/01/1967	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT13-2018
14.	Tạ Thị Giang	20/6/1982	Vĩnh Phúc	XDĐ&CQNN	CT14-2018
15.	Đàm Việt Hà	03/11/1992	Yên Bái	XDĐ&CQNN	CT15-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
16.	Trần Tiến Hải	29/8/1976	Hưng Yên	XDĐ&CQNN	CT16-2018
17.	Nguyễn Sĩ Hoạt	23/3/1976	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT17-2018
18.	Vũ Văn Hoạt	06/11/1969	Ninh Bình	XDĐ&CQNN	CT18-2018
19.	Nguyễn Văn Hòa	26/3/1977	Thanh Hóa	XDĐ&CQNN	CT19-2018
20.	Trần Quang Huy	01/9/1977	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT20-2018
21.	Phạm Thị Khánh Huyền	11/9/1991	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT21-2018
22.	Phùng Quang Hùng	18/3/1982	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT22-2018
23.	Trần Quang Hùng	26/7/1976	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT23-2018
24.	Trần Thanh Khôi	04/10/1974	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT24-2018
25.	Lý Thị Liên	02/6/1976	Bắc Giang	XDĐ&CQNN	CT25-2018
26.	Nguyễn Thị Hương Linh	12/12/1980	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT26-2018
27.	Trần Văn Lợi	15/5/1973	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT27-2018
28.	Nguyễn Lê Nam	28/9/1973	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT28-2018
29.	Bùi Thị Nga	21/5/1986	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT29-2018
30.	Phạm Thị Kim Oanh	22/11/1979	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT30-2018
31.	Nguyễn Trọng Phan	28/6/1975	Hải Dương	XDĐ&CQNN	CT31-2018
32.	Nguyễn Trường Sinh	14/4/1973	Thái Nguyên	XDĐ&CQNN	CT32-2018
33.	Nguyễn Văn Thông	23/12/1989	Hưng Yên	XDĐ&CQNN	CT33-2018
34.	Nguyễn Thị Thúy	10/11/1979	Bắc Ninh	XDĐ&CQNN	CT34-2018
35.	Phùng Thị Thủy	08/10/1978	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT35-2018
36.	Nguyễn Xuân Tiến	11/12/1983	Hải Dương	XDĐ&CQNN	CT36-2018
37.	Nguyễn Văn Toàn	05/9/1975	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT37-2018
38.	Nguyễn Anh Tuấn	09/9/1975	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT38-2018
39.	Trần Thị Thanh Vân	15/12/1992	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT39-2018
40.	Đường Thị Xuyến	27/6/1972	Lạng Sơn	XDĐ&CQNN	CT40-2018
41.	Nguyễn Ngọc Bảo *(tại TSQLQ2)*	05/7/1968	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT41-2018
42.	Trần Đại Biên	30/7/1978	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT42-2018
43.	Lê Văn Chẩn	10/10/1984	Tây Ninh	XDĐ&CQNN	CT43-2018
44.	Nguyễn Đình Dương	27/9/1976	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT44-2018
45.	Ngô Văn Hải	01/4/1978	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT45-2018
46.	Hà Văn Hậu	15/10/1976	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT46-2018
47.	Phạm Trung Hiếu	03/12/1983	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT47-2018
48.	Nguyễn Phúc Hiệp	23/6/1976	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT48-2018
49.	Hồ Sỹ Hoàng	26/5/1971	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT49-2018
50.	Nguyễn Đông Hồ	27/01/1974	Long An	XDĐ&CQNN	CT50-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
51.	Bùi Tiến Lập	06/6/1978	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT51-2018
52.	Nguyễn Văn Mạnh	28/10/1984	Bình Phước	XDĐ&CQNN	CT52-2018
53.	Trần Đại Nghĩa	14/7/1977	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT53-2018
54.	Phạm Thị Bạch Nhu	01/12/1987	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT54-2018
55.	Tăng Xuân Phát	14/10/1964	Hải Phòng	XDĐ&CQNN	CT55-2018
56.	Nguyễn Văn Phúc	10/7/1965	Bình Dương	XDĐ&CQNN	CT56-2018
57.	Trần Thị Bạch Phụng	25/8/1982	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT57-2018
58.	Nguyễn Quốc Phương	19/6/1984	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT58-2018
59.	Nguyễn Hoàng Phượng Quyên	06/12/1975	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT59-2018
60.	Đinh Cao Sơn	06/9/1969	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT60-2018
61.	Nguyễn Văn Sơn	13/8/1979	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT61-2018
62.	Trần Thị Thắm	20/5/1973	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT62-2018
63.	Trần Anh Thơ	20/12/1975	Hải Dương	XDĐ&CQNN	CT63-2018
64.	Trần Mạnh Tiến	10/5/1981	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT64-2018
65.	Lương Thanh Trúc	10/4/1975	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT65-2018
66.	Vũ Minh Trường	25/8/1979	Hải Dương	XDĐ&CQNN	CT66-2018
67.	Trương Văn Trường	28/8/1988	Tây Ninh	XDĐ&CQNN	CT67-2018
68.	Lê Minh Tuấn	30/9/1973	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT68-2018
69.	Trần Thị Thanh Tuyền	05/02/1985	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT69-2018
70.	Nguyễn Văn Út	02/11/1970	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT70-2018
71.	Phạm Quang Vinh	28/11/1976	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT71-2018
72.	Hoàng Ngọc Tường Vy	27/02/1982	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT72-2018
73.	Nguyễn Thanh Xuân	03/5/1984	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT73-2018
74.	Ngô Minh Xuyên	21/10/1980	Tây Ninh	XDĐ&CQNN	CT74-2018
75.	Nguyễn Thị Hoàng Yến	18/5/1975	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT75-2018
76.	Nguyễn Thị Vân Anh *(tại HVCT)*	02/7/1983	Hà Nội	KTCT	CT76-2018
77.	Phạm Thị Ngọc Ánh	10/10/1988	Hà Nội	KTCT	CT77-2018
78.	Trần Hữu Bảo	23/10/1975	Hà Nội	KTCT	CT78-2018
79.	Nguyễn Thị Hương Bằng	08/7/1991	Hà Nội	KTCT	CT79-2018
80.	Nguyễn Quang Chất	12/6/1975	Hà Nội	KTCT	CT80-2018
81.	Lưu Mạnh Cường	27/8/1973	Hà Nội	KTCT	CT81-2018
82.	Nguyễn Hải Đông	08/12/1971	Hà Nội	KTCT	CT82-2018
83.	Bùi Thị Hà	25/10/1987	Thanh Hóa	KTCT	CT83-2018
84.	Đoàn Thị Minh Hải	25/5/1982	Hà Nội	KTCT	CT84-2018
85.	Nguyễn Huy Hải	11/7/1977	Hà Nội	KTCT	CT85-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
86.	Phạm Thị Hồng Hạnh	27/8/1985	Hà Nội	KTCT	CT86-2018
87.	Nguyễn Thị Hảo	24/02/1979	Phú Thọ	KTCT	CT87-2018
88.	Chu Thị Thu Hằng	22/01/1973	Hà Nội	KTCT	CT88-2018
89.	Lê Thị Hiên	25/3/1988	Hà Nội	KTCT	CT89-2018
90.	Nguyễn Thị Phương Hoa	25/01/1982	Hà Nội	KTCT	CT90-2018
91.	Đinh Văn Hùng	27/4/1982	Phú Thọ	KTCT	CT91-2018
92.	Đoàn Duy Hưng	23/02/1982	Hà Nam	KTCT	CT92-2018
93.	Nguyễn Văn Hưng	06/4/1983	Bắc Ninh	KTCT	CT93-2018
94.	Đào Thị Hương	30/6/1991	Thái Nguyên	KTCT	CT94-2018
95.	Lê Thị Hương	09/10/1979	Hà Nội	KTCT	CT95-2018
96.	Lê Thị Hương	03/4/1981	Hà Nội	KTCT	CT96-2018
97.	Nguyễn Thị Huyền	13/6/1981	Hà Nội	KTCT	CT97-2018
98.	Cấn Trung Kiên	16/11/1991	Phú Thọ	KTCT	CT98-2018
99.	Nguyễn Thị Hương Lan	16/6/1980	Vĩnh Phúc	KTCT	CT99-2018
100.	Phạm Thị Thùy Linh	19/9/1984	Yên Bái	KTCT	CT100-2018
101.	Trần Phương Linh	19/11/1988	Hà Nội	KTCT	CT101-2018
102.	Trương Thăng Long	24/6/1981	Hà Nam	KTCT	CT102-2018
103.	Nguyễn Ngọc Minh	12/10/1980	Hà Nội	KTCT	CT103-2018
104.	Trần Thị Minh	06/8/1977	Hà Nội	KTCT	CT104-2018
105.	Phạm Văn Ngọc	10/5/1966	Hà Nội	KTCT	CT105-2018
106.	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	07/4/1985	Điện Biên	KTCT	CT106-2018
107.	Lại Thị Ngọc Sen	02/7/1981	Phú Thọ	KTCT	CT107-2018
108.	Phạm Văn Tân	05/12/1987	Hà Nội	KTCT	CT108-2018
109.	Nguyễn Phương Thảo	05/12/1990	Hà Nội	KTCT	CT109-2018
110.	Hà Thị Bích Thu	11/9/1982	Bắc Ninh	KTCT	CT110-2018
111.	Lê Phương Thúy	25/3/1980	Vĩnh Phúc	KTCT	CT111-2018
112.	Nguyễn Thanh Thủy	16/12/1990	Bắc Ninh	KTCT	CT112-2018
113.	Phan Thị Bích Thủy	28/3/1978	Hà Nội	KTCT	CT113-2018
114.	Trần Duy Tiến	10/10/1983	Thanh Hóa	KTCT	CT114-2018
115.	Nguyễn Huy Toàn	12/7/1974	Hà Nội	KTCT	CT115-2018
116.	Nguyễn Quang Trung	25/7/1989	Vĩnh Phúc	KTCT	CT116-2018
117.	Nguyễn Thanh Tú	03/7/1980	Hà Nội	KTCT	CT117-2018
118.	Nguyễn Quang Tùng	18/01/1970	Hà Nội	KTCT	CT118-2018
119.	Vũ Quốc Tuấn	31/10/1984	Phú Thọ	KTCT	CT119-2018
120.	Ngô Trung Tứ	14/12/1977	Hà Nội	KTCT	CT120-2018
121.	Nguyễn Bá Viên	02/10/1984	Bắc Ninh	KTCT	CT121-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
122.	Lê Thị Xuân	12/8/1987	Hà Nội	KTCT	CT122-2018
123.	Trần Tuấn Anh *(tại TSQLQ2)*	23/8/1986	Đồng Nai	KTCT	CT123-2018
124.	Nguyễn Thị Hồng Ân	17/4/1988	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT124-2018
125.	Lê Thanh Bình	09/9/1975	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT125-2018
126.	Mai Tuấn Bình	26/10/1981	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT126-2018
127.	Nguyễn Thị Kim Chi	11/3/1975	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT127-2018
128.	Lê Đức Chí	19/4/1971	Vĩnh Phúc	KTCT	CT128-2018
129.	Nguyễn Thị Phương Dung	22/01/1983	Vĩnh Long	KTCT	CT129-2018
130.	Lê Thị Kim Điệp	16/5/1985	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT130-2018
131.	Trương Quang Đức	10/8/1988	Hà Tĩnh	KTCT	CT131-2018
132.	Nguyễn Minh Hải	11/02/1981	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT132-2018
133.	Hoàng Văn Hoan	05/10/1989	Đồng Nai	KTCT	CT133-2018
134.	Nguyễn Thị Hòa	20/9/1976	Nghệ An	KTCT	CT134-2018
135.	Trần Thị Thu Hồng	10/11/1973	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT135-2018
136.	Lê Thị Minh Huệ	29/11/1972	Thái Bình	KTCT	CT136-2018
137.	Lê Trần Duy Hùng	01/12/1973	Tiền Giang	KTCT	CT137-2018
138.	Lê Thị Lan Hương	28/9/1976	Bắc Giang	KTCT	CT138-2018
139.	Nguyễn Thị Hương	13/10/1980	Hà Nội	KTCT	CT139-2018
140.	Phan Thị Mỹ Khuyên	03/10/1985	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT140-2018
141.	Trần Ngọc Minh	01/02/1982	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT141-2018
142.	Đỗ Xuân Nam	26/3/1977	Thanh Hóa	KTCT	CT142-2018
143.	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/6/1991	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT143-2018
144.	Nguyễn Viết Phúc	23/12/1976	Cao Bằng	KTCT	CT144-2018
145.	Trần Hoàng Phương	03/9/1982	Quảng Nam	KTCT	CT145-2018
146.	Đỗ Lê Minh Quyền	13/3/1983	Long An	KTCT	CT146-2018
147.	Nguyễn Thị Quý	20/10/1986	Hà Tĩnh	KTCT	CT147-2018
148.	Thân Thị Hoài Tâm	07/11/1983	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT148-2018
149.	Nguyễn Quốc Thanh	25/9/1983	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT149-2018
150.	Bùi Văn Thạch	23/6/1978	Quảng Nam	KTCT	CT150-2018
151.	Lê Bích Thảo	22/11/1970	Hà Nội	KTCT	CT151-2018
152.	Lê Thị Thêu	23/02/1983	Quảng Trị	KTCT	CT152-2018
153.	Lê Vĩnh Thịnh	09/7/1985	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT153-2018
154.	Đỗ Hồng Thùy	17/8/1978	Bắc Giang	KTCT	CT154-2018
155.	Phạm Tiến Trình	26/01/1978	Ninh Bình	KTCT	CT155-2018
156.	Nguyễn Mạnh Tuấn	04/9/1990	Lâm Đồng	KTCT	CT156-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
157.	Trần Anh Tuấn	27/7/1981	Nam Định	KTCT	CT157-2018
158.	Huỳnh Thanh Tùng	01/10/1983	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT158-2018
159.	Lê Đức Anh *(tại HVCT)*	07/12/1991	Hà Nội	QLGD	CT159-2018
160.	Nguyễn Việt Anh	17/02/1988	Hà Nội	QLGD	CT160-2018
161.	Phạm Trung Anh	28/8/1974	Hà Nội	QLGD	CT161-2018
162.	Tưởng Thị Ngọc Anh	24/7/1975	Hòa Bình	QLGD	CT162-2018
163.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	29/01/1974	Hà Nội	QLGD	CT163-2018
164.	Trần Thị Chi	04/8/1980	Thanh Hóa	QLGD	CT164-2018
165.	Trương Thị Hồng Diệp	30/01/1981	Hải Dương	QLGD	CT165-2018
166.	Ngô Thùy Dương	14/11/1985	Hà Nội	QLGD	CT166-2018
167.	Nguyễn Thị Hương Giang	21/7/1984	Hà Nội	QLGD	CT167-2018
168.	Nguyễn Thị Hà	20/7/1969	Hà Nội	QLGD	CT168-2018
169.	Đặng Thị Phương Hạnh	07/12/1975	Hà Nội	QLGD	CT169-2018
170.	Nguyễn Minh Hạnh	02/11/1984	Hà Nội	QLGD	CT170-2018
171.	Nguyễn Thị Hạnh	17/4/1979	Hà Nội	QLGD	CT171-2018
172.	Lê Thị Thúy Hằng	10/10/1983	Hà Nội	QLGD	CT172-2018
173.	Nguyễn Thị Hải Hiền	09/01/1983	Quảng Ninh	QLGD	CT173-2018
174.	Nguyễn Sỹ Hiệp	15/5/1980	Hà Nội	QLGD	CT174-2018
175.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	13/6/1977	Hà Nội	QLGD	CT175-2018
176.	Nguyễn Xuân Hòa	01/10/1975	Hòa Bình	QLGD	CT176-2018
177.	Đỗ Đình Hưng	11/6/1978	Vĩnh Phúc	QLGD	CT177-2018
178.	Nguyễn Thị Hương	30/12/1967	Hà Nội	QLGD	CT178-2018
179.	Nguyễn Thị Thu Hương	16/9/1988	Hà Nam	QLGD	CT179-2018
180.	Nguyễn Văn Khoa	20/6/1989	Thanh Hóa	QLGD	CT180-2018
181.	Nguyễn Thị Cẩm Linh	23/4/1979	Hà Nội	QLGD	CT181-2018
182.	Nguyễn Thị Kiều Linh	28/8/1980	Hà Nội	QLGD	CT182-2018
183.	Nguyễn Thanh Long	14/11/1969	Hòa Bình	QLGD	CT183-2018
184.	Đỗ Văn Mai	09/7/1974	Hà Nội	QLGD	CT184-2018
185.	Nguyễn Văn Minh	25/5/1988	Thanh Hóa	QLGD	CT185-2018
186.	Lương Thị Mỵ	05/9/1972	Hà Nội	QLGD	CT186-2018
187.	Nguyễn Thị Bích Nga	04/12/1970	Hưng Yên	QLGD	CT187-2018
188.	Vũ Thị Thu Nga	28/10/1979	Hà Nội	QLGD	CT188-2018
189.	Dương Đình Ngữ	29/4/1982	Hà Nội	QLGD	CT189-2018
190.	Khuất Thị Hoa Oanh	12/10/1973	Hà Nội	QLGD	CT190-2018
191.	Nguyễn Lan Phương	30/9/1979	Hà Nội	QLGD	CT191-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
192.	Đỗ Duy Quyết	30/01/1977	Nghệ An	QLGD	CT192-2018
193.	Lê Văn Sơn	08/9/1969	Hà Nội	QLGD	CT193-2018
194.	Vũ Hồng Thái	12/7/1980	Ninh Bình	QLGD	CT194-2018
195.	Trần Thị Hồng Thúy	27/12/1977	Nam Định	QLGD	CT195-2018
196.	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/1974	Hà Nội	QLGD	CT196-2018
197.	Nguyễn Thị Thủy	11/6/1983	Nam Định	QLGD	CT197-2018
198.	Trần Thu Thủy	01/11/1984	Tuyên Quang	QLGD	CT198-2018
199.	Đào Quang Tiến	17/8/1970	Hà Nội	QLGD	CT199-2018
200.	Phạm Xuân Trường	15/10/1979	Thái Bình	QLGD	CT200-2018
201.	Trần Thanh Vân	04/11/1980	Hải Phòng	QLGD	CT201-2018
202.	Trần Thị Vân	01/8/1981	Ninh Bình	QLGD	CT202-2018
203.	Trịnh Thúy Vinh	22/10/1973	Hà Nội	QLGD	CT203-2018
204.	Trần Thị Yến	04/9/1981	Hà Nam	QLGD	CT204-2018
205.	Vũ Thị Chang	28/01/1990	Hải Dương	QLGD	CT205-2018
206.	Lê Thị Bảo Châu	13/10/1992	Thanh Hóa	QLGD	CT206-2018
207.	Phạm Văn Cường	15/12/1984	Hà Nội	QLGD	CT207-2018
208.	Phan Dân	19/10/1968	Vĩnh Phúc	QLGD	CT208-2018
209.	Lê Thị Kim Dung	28/5/1976	Hà Nội	QLGD	CT209-2018
210.	Nguyễn Thị Mai Dung	06/02/1983	Bắc Ninh	QLGD	CT210-2018
211.	Trần Thị Dung	12/7/1979	Hà Nội	QLGD	CT211-2018
212.	Nguyễn Phú Định	10/6/1977	Hải Dương	QLGD	CT212-2018
213.	Vũ Ngô Viết Đồng	03/6/1976	Hà Nội	QLGD	CT213-2018
214.	Đinh Bích Hà	19/9/1983	Hà Nội	QLGD	CT214-2018
215.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	27/11/1970	Hà Nội	QLGD	CT215-2018
216.	Nguyễn Lệ Hằng	23/9/1975	Hà Nội	QLGD	CT216-2018
217.	Nguyễn Thị Hằng	01/9/1975	Hà Nội	QLGD	CT217-2018
218.	Nguyễn Thị Hằng	17/9/1984	Hà Nội	QLGD	CT218-2018
219.	Nguyễn Thị Khánh Hân	15/9/1973	Hà Nội	QLGD	CT219-2018
220.	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/9/1975	Hải Dương	QLGD	CT220-2018
221.	Phạm Ngọc Hiển	02/6/1975	Hải Dương	QLGD	CT221-2018
222.	Trịnh Tiến Hòa	06/4/1987	Hà Nội	QLGD	CT222-2018
223.	Đỗ Thị Thu Hoài	17/5/1984	Hà Nội	QLGD	CT223-2018
224.	Đào Trọng Huân	03/02/1973	Hải Dương	QLGD	CT224-2018
225.	Lê Minh Huynh	04/5/1984	Hà Nam	QLGD	CT225-2018
226.	Nguyễn Thị Thu Hương	28/8/1968	Hà Nội	QLGD	CT226-2018
227.	Nguyễn Thị Khoa	15/4/1977	Hải Dương	QLGD	CT227-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
228.	Bùi Mạnh Khương	24/5/1978	Hà Nội	QLGD	CT228-2018
229.	Đỗ Thị Lan	06/10/1970	Hà Nội	QLGD	CT229-2018
230.	Mai Thị Lan	18/8/1964	Hà Nội	QLGD	CT230-2018
231.	Kiều Văn Lay	09/9/1983	Bắc Giang	QLGD	CT231-2018
232.	Nguyễn Tú Lệ	21/10/1978	Ninh Bình	QLGD	CT232-2018
233.	Hoàng Phương Loan	07/02/1981	Hà Nội	QLGD	CT233-2018
234.	Nguyễn Văn Lương	08/3/1971	Hà Nội	QLGD	CT234-2018
235.	Nguyễn Thị Mai	28/02/1973	Hà Nội	QLGD	CT235-2018
236.	Dương Thị Thúy Ngọc	14/02/1980	Hà Nội	QLGD	CT236-2018
237.	Đoàn Thị Ngọc	04/11/1973	Nam Định	QLGD	CT237-2018
238.	Lê Bảo Ngọc	14/11/1983	Hà Nội	QLGD	CT238-2018
239.	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	20/8/1974	Hà Nội	QLGD	CT239-2018
240.	Vũ Văn Phó	16/6/1977	Ninh Bình	QLGD	CT240-2018
241.	Nguyễn Thị Phương	27/7/1973	Hà Nội	QLGD	CT241-2018
242.	Phạm Đức Quang	02/5/1985	Hà Tĩnh	QLGD	CT242-2018
243.	Mai Thị Hồng Quyên	23/7/1981	Ninh Bình	QLGD	CT243-2018
244.	Trần Thị Quyên	19/01/1977	Hà Nội	QLGD	CT244-2018
245.	Phạm Thanh Sơn	12/5/1974	Hưng Yên	QLGD	CT245-2018
246.	Đào Ngọc Sỹ	11/11/1975	Hà Nội	QLGD	CT246-2018
247.	Đoàn Thị Ngọc Thủy	06/01/1979	Hà Nội	QLGD	CT247-2018
248.	Hoàng Văn Thủy	01/5/1977	Hà Nội	QLGD	CT248-2018
249.	Ngô Thị Thủy	05/3/1982	Hà Nội	QLGD	CT249-2018
250.	Lê Quyết Tiến	15/11/1991	Hưng Yên	QLGD	CT250-2018
251.	Lê Mạnh Toàn	08/3/1981	Hưng Yên	QLGD	CT251-2018
252.	Nguyễn Văn Triều	04/10/1976	Hà Nội	QLGD	CT252-2018
253.	Đỗ Văn Trung	03/10/1973	Thái Bình	QLGD	CT253-2018
254.	Ngọ Văn Tuấn	14/7/1985	Thanh Hóa	QLGD	CT254-2018
255.	Võ Anh Tuấn	12/5/1973	Hà Tĩnh	QLGD	CT255-2018
256.	Phí Thị Anh Vũ	24/02/1970	Hà Nội	QLGD	CT256-2018
257.	Nguyễn Công Vui	13/5/1969	Hải Dương	QLGD	CT257-2018
258.	Nguyễn Thị Hải Yến	11/7/1977	Hà Nội	QLGD	CT258-2018
259.	Nguyễn Thị Hoàng Anh *(tại TSQLQ2)*	14/02/1978	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT259-2018
260.	Huỳnh Văn Bình	16/9/1973	Đồng Nai	QLGD	CT260-2018
261.	Nguyễn Quốc Cường	05/9/1977	Thái Bình	QLGD	CT261-2018
262.	Thái Quang Cường	17/01/1967	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT262-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
263.	Trần Thị Khánh Di	10/11/1984	Tiền Giang	QLGD	CT263-2018
264.	Nguyễn Thị Mỹ Dung	13/7/1974	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT264-2018
265.	Nguyễn Thị Thùy Duyên	02/9/1978	Đồng Nai	QLGD	CT265-2018
266.	Nguyễn Đức Hạnh	01/11/1971	Thái Bình	QLGD	CT266-2018
267.	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	22/11/1973	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT267-2018
268.	Trịnh Thị Hạnh	12/8/1979	Quảng Ninh	QLGD	CT268-2018
269.	Đinh Thế Hải	05/6/1982	Đồng Nai	QLGD	CT269-2018
270.	Trương Thanh Hải	01/7/1981	Bình Dương	QLGD	CT270-2018
271.	Nguyễn Ngọc Diệu Hiền	23/9/1988	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT271-2018
272.	Trần Đình Hiệp	25/01/1981	Nghệ An	QLGD	CT272-2018
273.	Nguyễn Huy Hoàng	23/01/1985	Đồng Nai	QLGD	CT273-2018
274.	Nguyễn Thái Hòa	17/11/1987	Đăk Lăk	QLGD	CT274-2018
275.	Trần Đại Học	07/6/1986	Bắc Giang	QLGD	CT275-2018
276.	Nguyễn Thị Thu Hồng	29/5/1979	Ninh Bình	QLGD	CT276-2018
277.	Vũ Vân Hương	07/7/1983	Bình Dương	QLGD	CT277-2018
278.	Đinh Văn Hữu	26/6/1976	Hải Phòng	QLGD	CT278-2018
279.	Nguyễn Văn Khoa	23/10/1984	Tiền Giang	QLGD	CT279-2018
280.	Trần Thị Ngọc Lan	02/12/1980	Nghệ An	QLGD	CT280-2018
281.	Phan Sỹ Lợi	08/8/1974	Nghệ An	QLGD	CT281-2018
282.	Nguyễn Thị Kim Mai	01/4/1974	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT282-2018
283.	Trần Như Ngà	16/12/1980	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT283-2018
284.	Nguyễn Thị Kim Oanh	18/4/1973	Tây Ninh	QLGD	CT284-2018
285.	Nguyễn Văn Quỳnh	26/7/1977	Ninh Bình	QLGD	CT285-2018
286.	Đỗ Thanh Tâm	18/4/1978	Phú Thọ	QLGD	CT286-2018
287.	Hoàng Thị Tâm	04/9/1981	Thanh Hóa	QLGD	CT287-2018
288.	Hoàng Thị Thanh Tâm	13/9/1988	Nam Định	QLGD	CT288-2018
289.	Nguyễn Văn Thao	28/7/1977	Hải Dương	QLGD	CT289-2018
290.	Đào Huy Thắng	05/8/1973	Thái Bình	QLGD	CT290-2018
291.	Phạm Mạnh Thắng	26/2/1977	Hà Tĩnh	QLGD	CT291-2018
292.	Lê Bình Phương Thu	10/02/1984	Tiền Giang	QLGD	CT292-2018
293.	Trần Phương Thu	26/10/1977	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT293-2018
294.	Nguyễn Thị Thu Thủy	20/8/1972	Quảng Ngãi	QLGD	CT294-2018
295.	Nguyễn Thị Mạnh Tiến	15/02/1978	Quảng Ngãi	QLGD	CT295-2018
296.	Nguyễn Danh Tri	17/6/1978	Bắc Ninh	QLGD	CT296-2018
297.	Đỗ Vũ Ngọc Trung	30/10/1985	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT297-2018
298.	Phạm Minh Tuấn	06/10/1984	Đồng Nai	QLGD	CT298-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
299.	Lương Thị Thùy Vân	15/12/1987	Đồng Nai	QLGD	CT299-2018
300.	Nguyễn Thị Vân	23/4/1976	Nam Định	QLGD	CT300-2018
301.	Ngô Quốc Vương	10/4/1974	Nam Định	XDĐ&CQNN	CT301-2018
302.	Lê Đình Chiến	01/6/1973	Hà Nam	XDĐ&CQNN	CT302-2018
303.	Lại Cao Cường	07/7/1986	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT303-2018
304.	Nghiêm Mạnh Hùng	07/3/1976	Thái Bình	XDĐ&CQNN	CT304-2018
305.	Tô Văn Phương	27/11/1986	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT305-2018
306.	Nguyễn Thu Sơn	25/8/1977	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT306-2018
307.	Phạm Văn Dương *(tại TSQLQ2)*	06/10/1977	Hải Phòng	XDĐ&CQNN	CT307-2018
308.	Đoàn Ngọc Hải	10/10/1969	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT308-2018
309.	Trịnh Thị Mỹ Lan	28/01/1970	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT309-2018
310.	Huỳnh Trọng Nghĩa	08/5/1986	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT310-2018
311.	Ngô Minh Tuấn	12/6/1980	TP Hồ Chí Minh	XDĐ&CQNN	CT311-2018
312.	Nguyễn Minh Cường	02/01/1988	Hà Nội	KTCT	CT312-2018
313.	Đào Đức Duyên	14/02/1969	Ninh Bình	KTCT	CT313-2018
314.	Lê Quang Giang	28/01/1984	Hà Nội	KTCT	CT314-2018
315.	Hoàng Mạnh Hiếu	30/6/1982	Bắc Giang	KTCT	CT315-2018
316.	Trần Hiếu	24/01/1983	Hà Nội	KTCT	CT316-2018
317.	Nguyễn Hoàng Hiệp	15/6/1992	Hòa Bình	KTCT	CT317-2018
318.	Phan Ngọc Huấn	26/10/1980	Hà Nội	KTCT	CT318-2018
319.	Trần Văn Hùng	06/4/1982	Nam Định	KTCT	CT319-2018
320.	Phan Quang Huy	15/10/1990	Hà Nội	KTCT	CT320-2018
321.	Đỗ Anh Quân	22/12/1987	Hà Nội	KTCT	CT321-2018
322.	Nguyễn Đức Tha	20/10/1973	Hà Nội	KTCT	CT322-2018
323.	Nguyễn Doãn Thắng	07/3/1972	Hà Nội	KTCT	CT323-2018
324.	Vũ Toàn Thắng	15/8/1975	Hà Nội	KTCT	CT324-2018
325.	Đồng Khánh Toàn	14/10/1985	Thanh Hóa	KTCT	CT325-2018
326.	Nguyễn Viết Xuyến	22/8/1974	Hà Nội	KTCT	CT326-2018
327.	Trần Lợi	18/8/1981	Nam Định	KTCT	CT327-2018
328.	Đỗ Thanh Sơn	06/10/1980	Thái Bình	KTCT	CT328-2018
329.	Phạm Thị Ngọc Tuyết	27/9/1985	Hà Nội	KTCT	CT329-2018
330.	Lưu Hoàng Anh *(tại TSQLQ2)*	27/5/1989	An Giang	KTCT	CT330-2018
331.	Đào Mạnh Hùng	20/11/1977	Hưng Yên	KTCT	CT331-2018
332.	Lưu Đình Bảo Linh	26/10/1991	Lâm Đồng	KTCT	CT332-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
333.	Lê Thanh Long	25/10/1977	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT333-2018
334.	Võ Thanh Lộc	05/10/1975	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT334-2018
335.	Hà Quang Minh	24/7/1984	Bình Phước	KTCT	CT335-2018
336.	Vũ Trọng Nghĩa	15/01/1971	Nam Định	KTCT	CT336-2018
337.	Trịnh Văn Quân	11/4/1981	Thái Bình	KTCT	CT337-2018
338.	Nguyễn Thị Thanh Sang	21/10/1985	Nghệ An	KTCT	CT338-2018
339.	Phạm Tĩnh Tâm	26/10/1987	Hà Tĩnh	KTCT	CT339-2018
340.	Lại Thế Tỉnh	18/6/1981	Thái Bình	KTCT	CT340-2018
341.	Võ Thị Thu Hiền	20/10/1983	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT341-2018
342.	Lý Hiếu Thanh	21/5/1976	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT342-2018
343.	Đinh Ngọc Anh *(tại HVCT)*	27/5/1971	Hà Nội	QLGD	CT343-2018
344.	Lê Viết Anh	06/10/1982	Vĩnh Phúc	QLGD	CT344-2018
345.	Nguyễn Kim Ánh	17/8/1968	Hà Nội	QLGD	CT345-2018
346.	Đào Vĩnh Cường	13/7/1978	Hải Phòng	QLGD	CT346-2018
347.	Trần Thị Hồng Duyên	21/8/1972	Hà Nội	QLGD	CT347-2018
348.	Nguyễn Thị Mai Hương	01/3/1986	Hà Nội	QLGD	CT348-2018
349.	Nguyễn Thủy Liên	02/12/1985	Lào Cai	QLGD	CT349-2018
350.	Phùng Khắc Lợi	28/02/1986	Hà Nội	QLGD	CT350-2018
351.	Nguyễn Thị Bích Thủy	09/9/1980	Hà Nội	QLGD	CT351-2018
352.	Nguyễn Hữu Thìn	23/3/1978	Hà Nội	QLGD	CT352-2018
353.	Lưu Văn Tiến	16/8/1986	Hải Phòng	QLGD	CT353-2018
354.	Tống Văn Tịnh	30/12/1974	Ninh Bình	QLGD	CT354-2018
355.	Vũ Thanh Tùng	06/8/1984	Hải Dương	QLGD	CT355-2018
356.	Nguyễn Anh Việt	02/3/1975	Vĩnh Phúc	QLGD	CT356-2018
357.	Nguyễn Xuân Vinh	05/5/1981	Thái Bình	QLGD	CT357-2018
358.	Nguyễn Quý Dũng	01/01/1980	Hà Nội	QLGD	CT358-2018
359.	Trịnh Anh Dũng	28/8/1981	Nam Định	QLGD	CT359-2018
360.	Bùi Tiến Đạt	20/10/1991	Hà Nội	QLGD	CT360-2018
361.	Hà Thị Hương Giang	14/01/1982	Vĩnh Phúc	QLGD	CT361-2018
362.	Trần Văn Hương	14/01/1972	Nam Định	QLGD	CT362-2018
363.	Ma Thế Mây	01/11/1968	Thái Nguyên	QLGD	CT363-2018
364.	Đặng Thị Nhung	29/11/1987	Hà Nội	QLGD	CT364-2018
365.	Nguyễn Văn Vịnh	05/5/1977	Nam Định	QLGD	CT365-2018
366.	Khưu Trọng Đan *(tại TSQLQ2)*	18/8/1976	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT366-2018

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp bằng
367.	Hà Thị Mai Lan	23/10/1981	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT367-2018
368.	Phạm Thị Xuân Mai	11/12/1966	TP Hồ Chí Minh	QLGD	CT368-2018
369.	Nguyễn Vũ Nguyên	28/11/1982	Đà Nẵng	QLGD	CT369-2018
370.	Nguyễn Định Phùng	26/4/1972	Khánh Hòa	QLGD	CT370-2018
371.	Nguyễn Thanh Phương	01/10/1972	Đà Nẵng	QLGD	CT371-2018
372.	Võ Hồ Anh Thy	26/6/1981	Long An	QLGD	CT372-2018
373.	Đinh Văn Trịnh	07/12/1977	Ninh Bình	QLGD	CT373-2018
374.	Nguyễn Văn Thú	18/6/1962	Vĩnh Phúc	QLGD	CT374-2018
375.	Trần Xuân Hòa	08/3/1983	Hưng Yên	XDĐ&CQNN	CT375-2018
376.	Đinh Duy Thinh	16/3/1971	Ninh Bình	XDĐ&CQNN	CT376-2018
377.	Nguyễn Đăng Thông	19/02/1978	Hà Nội	XDĐ&CQNN	CT377-2018
378.	Đinh Trọng Đông	19/8/1984	Cao Bằng	KTCT	CT378-2018
379.	Nguyễn Ngọc Đông	20/7/1977	Phú Thọ	KTCT	CT379-2018
380.	Đỗ Thanh Hải	17/11/1982	Hà Nội	KTCT	CT380-2018
381.	Nguyễn Mạnh Hùng	21/4/1988	Hà Nội	KTCT	CT381-2018
382.	Phạm Công Minh	25/6/1990	Ninh Bình	KTCT	CT382-2018
383.	Nguyễn Thị Phượng	29/3/1986	Hà Nội	KTCT	CT383-2018
384.	Trần Đức Trung	20/11/1987	Hòa Bình	KTCT	CT384-2018
385.	Đặng Trần Thanh Phương	11/6/1983	TP Hồ Chí Minh	KTCT	CT385-2018
386.	Lê Thị Hồng Phúc	31/7/1980	Hà Nội	QLGD	CT386-2018
387.	Lê Hồng Minh	25/3/1979	Nam Định	QLGD	CT387-2018
388.	Trương Quý Ngọc	07/01/1984	Hà Nam	QLGD	CT388-2018

(Tổng số 388 học viên)

Nơi nhận:
- Giám đốc, Phó GĐĐT;
- P7 (để đưa lên Website);
- Lưu: P3, N05.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng, PGS. TS Nguyễn Văn Thế